

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ GÒ CÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2025/HNGĐ-ST
Ngày 01-4-2025
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Lôi;
2. Ông Phan Văn Hùng;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gò Công tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Trường Bảo Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2025, tại Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 213/2024/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 12 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2025/QDST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Thái Thị Mỹ T, sinh năm: 1992;

Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang; (Xin vắng mặt)

2/ Bị đơn: Anh Lê Quốc T1, sinh năm: 1990;

Địa chỉ: khu phố T, phường L, thành phố G, tỉnh Tiền Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình tố tụng nguyên đơn Thái Thị Mỹ T trình bày:*

Chị và anh T1 chung sống với nhau từ năm 2017, kết hôn trên tinh thần tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã L (nay là phường L), thị xã G (nay là thành phố G), tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 48/2017, ngày 06/10/2017. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng do anh T1 ăn chơi, cờ bạc, không chăm lo cho gia đình, vào năm 2024 chị đã nộp đơn ly hôn nhưng vì chị muốn hai bên hàn gắn nên đã rút đơn nhưng hàn gắn không thành. Anh chị ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh T1.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Lê Quốc T2, sinh ngày 18/10/2018, khi ly hôn chị T yêu cầu trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con;

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

** Bị đơn Lê Quốc T1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến hay yêu cầu gì mặc dù tòa án đã triệu tập hợp lệ.*

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP Ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Lê Quốc T1 có nơi cư trú tại phường L, thành phố G nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị T xin ly hôn với anh T1, yêu cầu giải quyết về con chung, căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ. Căn cứ vào Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Về hôn nhân: Chị T và anh T1 chung sống với nhau từ năm 2017, kết hôn trên tinh thần tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã L (nay là phường L), thị xã G (nay là thành phố G), tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 48/2017, ngày 06/10/2017 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị T cho rằng trong thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn do anh T1 ăn chơi, cờ bạc,

không chăm lo cho gia đình, anh chị đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh T1.

Trong quá trình giải quyết, anh T1 đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nhưng anh T1 không có ý kiến gì và vắng mặt trong các buổi hòa giải cho thấy anh T1 không còn tha thiết hàn gắn cuộc hôn nhân này.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã có thời gian ly thân với nhau nhưng chị T và anh T1 đến nay vẫn không thể hàn gắn được (đã từng nộp đơn yêu cầu xin ly hôn nhưng đã rút đơn nên tòa án đình chỉ giải quyết vụ án). Do đó, yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T với anh T1.

[4.2] Về con chung: Có 01 người con chung tên Lê Quốc T2, sinh ngày 18/10/2018, khi ly hôn chị T yêu cầu trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con; Hội đồng xét xử nhận thấy hiện tại cháu T2 đang sống cùng với chị T; trong quá trình giải quyết vụ án anh T1 cũng không có thể hiện ý kiến hay yêu cầu gì về con chung; Qua xác minh tại địa phương thì anh chị đều có thu nhập đủ điều kiện nuôi con nhưng để đảm bảo điều kiện phát triển ổn định cho cháu T2 nên Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình tiếp tục giao cháu Lê Quốc T2 cho chị Thái Thị Mỹ T tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp cần thiết thì các đương sự được thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nhằm đảm bảo quyền lợi cho con.

[4.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Anh T1 không phải chịu án phí.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP Ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thái Thị Mỹ T.

1. Về hôn nhân: Chị Thái Thị Mỹ T được ly hôn với anh Lê Quốc T1.

2. Về con chung: Chị Thái Thị Mỹ T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Quốc T2, sinh ngày 18/10/2018. Anh Lê Quốc T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Trong trường hợp cần thiết thì chị T, anh T1 được thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nhằm đảm bảo quyền lợi cho con.

3. Về án phí: Chị Thái Thị Mỹ T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 001207 ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị T đã nộp đủ án phí. Anh Lê Quốc T1 không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*** Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh TG; **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
- VKSND TPGC;
- C.C THADS TPGC;
- Các đương sự;
- UBND phường Long Thuận;
- Lưu án văn, hồ sơ.

Nguyễn Thị Thu Thảo